

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUY TIÊN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2022

*“V/v Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN-HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Đỗ Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 04 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1973; nơi ĐKNKTT: TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1979; nơi cư trú: TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

(Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị U vào ngày 14/08/1997, đăng ký tại UBND xã B, huyện D (nay là UBND phường B, thị xã D), tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận được một thời gian thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân anh cho rằng giữa anh và chị U có nhiều bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và cách ứng xử, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và cả hai đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 02 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh nhận

thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị U không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị U.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng như, thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị U, tuy nhiên chị U không đến Tòa án làm việc. Theo ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ của chị U cho biết: chị U và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 1997. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do vợ chồng bị thua lỗ trong làm ăn kinh tế, sau đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ khoảng năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Vợ chồng anh T chị U có 03 con chung là các cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 04/11/1997; cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/04/2000 và cháu Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 27/11/2009. Hiện tại hai cháu Hòa, Đ đã trên 18 tuổi, cháu Nguyễn Phương A đang ở với chị U tại Bình Dương. Năm 2020 chị U có về nhà để tổ chức lễ cưới cho cháu Đ, sau đó chị U cùng cháu Phương A lại vào Bình Dương làm nhưng gia đình không biết rõ địa chỉ cụ thể chị U đang ở đâu. Tuy nhiên, thi thoảng chị U vẫn liên lạc với gia đình ông bằng điện thoại qua mạng zalo.

Ngoài ra, ông T1 cũng xác nhận gia đình đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Tòa án đối với chị U về việc anh T xin ly hôn, ông đã trực tiếp trao đổi qua điện thoại với chị U và chị U đã biết việc anh T xin ly hôn chị U nhưng do công việc bận nên chị U không về Tòa án được.

Về con chung: vợ chồng anh T chị U có 03 con chung là các cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 04/11/1997, cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/04/2000 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/11/2009. Hiện nay cháu H, cháu Đ đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, riêng cháu Phương A còn nhỏ đang ở với chị U. Khi ly hôn quan điểm của anh T để chị U tiếp tục nuôi dạy cháu và anh xin cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị U; về con chung: Giao chị U tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/11/2009. Anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được; về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ

chồng: không đặt ra xem xét; về án phí HNGĐ sơ thẩm: nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng; về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải chịu 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn là Nguyễn Hồng T đã có đơn xin xử vắng mặt. Riêng đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị U theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được UBND xã B, huyện D (nay là UBND phường B, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/1997 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ tình cảm giữa vợ chồng: Sau khi kết hôn, phía anh T cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ khoảng đầu năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị U

Về phía chị U, thông qua gia đình chị U cho biết thì chị U đã biết về việc anh T xin ly hôn chị, tuy nhiên chị U không đến Tòa án làm việc. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương và thân nhân chị U cho thấy vợ chồng anh T và chị U đã mâu thuẫn và sống ly thân từ khoảng đầu năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị U đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng sống ly thân nhiều năm của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị U là phù hợp thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HN&GD.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị U có 03 con chung là các cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 04/11/1997, cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01/04/2000 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/11/2009. Xét về quan điểm của anh T đối với con chung, HĐXX nhận thấy: Hiện tại hai cháu Nguyễn Đình H và cháu Nguyễn Thành Đ đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Phương A còn nhỏ và đang có cuộc

sống ổn định với chị U. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Phương A, HĐXX cần tiếp tục đề chị U tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương A, anh T là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị U mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi cháu Nguyễn Phương A đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

**1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị U**

**2. Về con chung:** Giao chị Nguyễn Thị U tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/11/2009. Anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị U mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm đồng) kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi cháu Phương Anh đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị U và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

**3. Về án:**

+ Án phí HNGĐ sơ thẩm: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000713 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án. Anh Nguyễn Hồng T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị U vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- THADS thị xã Duy Tiên.
- UBND phường B;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mạnh Xuân Hải**